

**TỔNG HỢP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG DỰ KIẾN ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ THUỘC THỊ TRẤN TRẮNG BOM**

*DVT: 1.000 đồng/m<sup>2</sup>*

| TT       | Tên đường đường phố                                      | Giá đất 2015 -2019 |       |       |     | Giá đất điều tra |       |     |     | Giá đất 2015 -2019<br>điều chỉnh |       |       |     | Ghi chú                                                                                                                                          |
|----------|----------------------------------------------------------|--------------------|-------|-------|-----|------------------|-------|-----|-----|----------------------------------|-------|-------|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|          |                                                          | VT1                | VT2   | VT3   | VT4 | VT1              | VT2   | VT3 | VT4 | VT1                              | VT2   | VT3   | VT4 |                                                                                                                                                  |
| <b>V</b> | <b>THỊ TRẤN TRẮNG BOM</b>                                |                    |       |       |     |                  |       |     |     |                                  |       |       |     |                                                                                                                                                  |
| 4        | Đường 30 tháng 4                                         |                    |       |       |     |                  |       |     |     |                                  |       |       |     |                                                                                                                                                  |
|          | Đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa     |                    |       |       |     |                  |       | -   | -   | 1.800                            | 1.000 | 800   | 500 | Thêm đoạn do đường mới làm giá bằng khoảng 70% đoạn cũ                                                                                           |
| 30       | Đường Nguyễn Hoàng                                       |                    |       |       |     |                  |       |     |     |                                  |       |       |     |                                                                                                                                                  |
|          | - Đoạn từ Quốc lộ 1 A đến đường Hùng Vương               | 2.000              | 1.300 | 1.000 | 700 | 5.400            | 2.600 | -   | -   | 2.000                            | 1.600 | 1.000 | 700 | Đề xuất tăng do để phù hợp với vị trí 2 Quốc Lộ 1 (trừ những đoạn đã có đường song hành)                                                         |
| 36       | Đường Nguyễn Tri Phương                                  | 1.600              | 1.200 | 900   | 450 | -                | -     | -   | -   | 2.000                            | 1.600 | 900   | 450 | Đề xuất tăng do để phù hợp với mức giá thị trường và phù hợp với Quốc Lộ 1 (trừ những đoạn đã có đường song hành)                                |
| 44       | Đường Trần Nguyên Hãn                                    | 1.300              | 800   | 600   | 400 | -                | -     | -   | -   | 1.600                            | 900   | 600   | 400 | Đề xuất tăng do để phù hợp với mức giá thị trường và phù hợp với Quốc Lộ 1 (trừ những đoạn đã có đường song hành) tương đương đường Bùi Thị Xuân |
| 49       | Đường Trường Chinh                                       |                    |       |       |     |                  |       |     |     |                                  |       |       |     |                                                                                                                                                  |
|          | - Đoạn từ QL 1 đến đường 2/9                             | 2.700              | 1.200 | 900   | 600 | -                | -     | -   | -   | 2.700                            | 1.600 | 900   | 600 | Đề xuất tăng do để phù hợp với vị trí 2 Quốc Lộ 1 (trừ những đoạn đã có đường song hành)                                                         |
| 50       | Đường Trương Định                                        | 1.600              | 1.400 | 900   | 350 | -                | -     | -   | -   | 2.000                            | 1.600 | 900   | 350 | Đề xuất tăng do để phù hợp với mức giá thị trường và phù hợp với Quốc Lộ 1 (trừ những đoạn đã có đường song hành)                                |
| 54       | Đường Tráng Bom-Đồi 61 (từ QL1A đến giáp ranh xã Đồi 61) | 1.600              | 1.100 | 950   | 600 | -                | -     | -   | -   | 2.000                            | 1.600 | 950   | 600 | Đề xuất tăng do để phù hợp với mức giá thị trường và phù hợp với Quốc Lộ 1 (trừ những đoạn đã có đường song hành)                                |